

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC NINH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**Bản án số: 30/2021/HNGĐ – ST**

**Ngày: 27/4/2021**

**V/v “Ly hôn”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kiều Chinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Oanh – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thủy N – sinh năm: 1985 (có mặt)

HKTT: Ấp Bình Hòa, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương

Chỗ ở: ấp Hiệp Hoàn, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T – sinh năm: 1981 (vắng mặt)

HKTT: xã Bình Kiều, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Chỗ ở: ấp Hiệp Hoàn, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\*Nguyên đơn bà Võ Thị Thủy N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống

hòa thuận đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến tháng 8/2019 thì về chung sống lại đến nay nhưng cuộc sống vẫn không hạnh phúc. Nay bà N xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thành C - sinh ngày 26/11/2012. Khi ly hôn, con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, nếu ở với bà N thì bà N nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà N và ông T không nợ ai và không ai nợ lại.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, không hiểu nguyên nhân vì sao bà N làm đơn xin ly hôn. Nay bà N xin ly hôn ông T không đồng ý vì còn thương yêu yêu vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Nguyễn Thành C - sinh ngày 26/11/2012. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T xin nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Ông T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Xác định đúng tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ quy định về pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thủy N;

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Thủy N với ông Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành C - sinh ngày 26/11/2012 cho bà N nuôi. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thủy N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T cư trú tại ấp Hiệp Thành, xã L, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, vì vậy hôn nhân của bà N và ông T là hợp pháp. Theo lời trình bày của bà N thì giữa bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018. Bà N đã làm đơn ly hôn, sau đó rút đơn khởi kiện. Tháng 8/2019 về sống chung nhưng vẫn không hạnh phúc. Nay bà N xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà N, ông T đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thành C - sinh ngày 26/11/2012. Khi ly hôn, bà N và ông T đều xin được nuôi con. Hiện nay cháu C đang sống chung với bà N và cháu C có nguyện vọng ở với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu C cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà N và ông T không có nợ chung.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà N phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thủy N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành C - sinh ngày 26/11/2012 cho bà Võ Thị Thủy N nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3.** Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

**4.** Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5.** Về nợ chung: Bà N và ông T không có nợ chung.

**6.** Về án phí: Bà N chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 019529 ngày 04/02/2021

**7.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- UBND xã A,
- huyện P, Bình Dương
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kiều Chinh**